

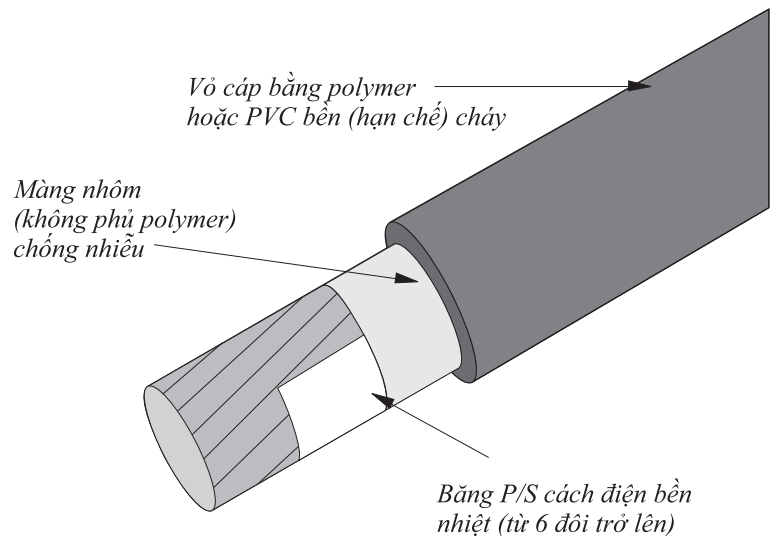
CÁP LẮP ĐẶT TRONG NHÀ CÓ MÀNG CHỐNG NHIỄU ĐIỆN TỪ TRƯỜNG VÀ CHỐNG ẨM

ỨNG DỤNG

Dùng để đấu nối giữa các thiết bị truyền dẫn, thiết bị chuyển mạch hoặc các thiết bị truyền số liệu tốc độ thấp lắp đặt trong nhà có yêu cầu nâng cao chống ảnh hưởng nhiễu điện từ trường và bền (hạn chế) cháy.

ƯU ĐIỂM

- Vỏ cáp chịu được sự mài mòn
- Bất lửa chậm do đó hạn chế nguy cơ cháy, nâng cao độ bền cháy của cáp lắp đặt trong nhà.
- Độ tin cậy cao.
- Dễ lắp đặt sử dụng.
- Có màn chống nhiễu điện từ trường..



CẤU TRÚC

Dây dẫn

Dây dẫn bằng đồng đặc, được ủ mềm có đường kính 0.40, 0.50, 0.65mm.

Cách điện của dây dẫn

Cách điện dây dẫn bằng điện môi tổ hợp 2 lớp (Foam - Skin) hoặc HDPE được mã hóa theo màu phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế phổ biến trong sản xuất cáp thông tin.

Xoắn đôi

Các dây bọc cách điện được xoắn thành từng đôi theo một quy luật màu nhất định với các bước xoắn khác nhau nhằm hạn chế tối đa xuyên âm.

Bó nhóm

Lõi cáp từ 30 đôi trở lên được tạo thành bởi các nhóm nhỏ, có các màu dây bó nhóm khác nhau để phân biệt. Các bó nhóm nhỏ bện chặt thành bó cáp và được bọc bên ngoài một lớp băng bền nhiệt, cách điện tốt bằng vật liệu trên cơ sở polyester.

Màng chống nhiễu điện từ trường

Bên ngoài lõi cáp được bọc bằng nhôm nhằm giảm thiểu tối đa khả năng xâm nhập điện từ trường ở bên ngoài.

Vỏ cáp

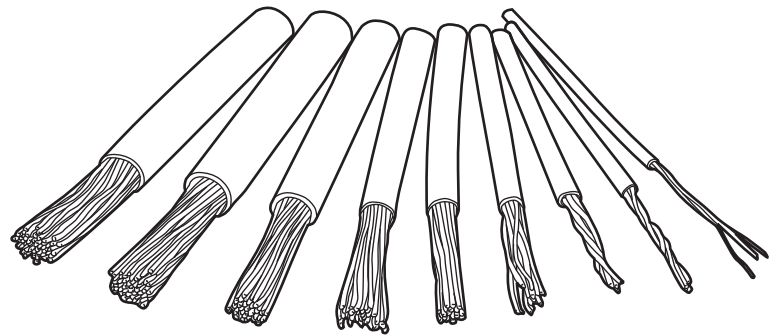
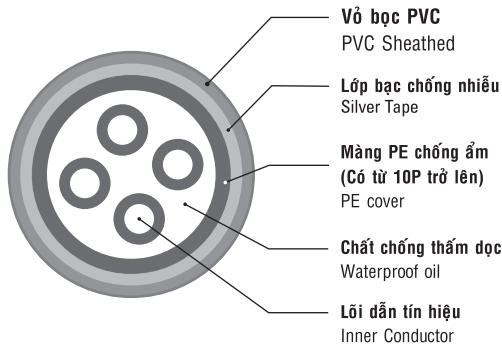
Vỏ cáp được làm từ vật liệu Polymer hoặc PVC bất lửa chậm.

Nhận dạng và đánh dấu độ dài

Mã số (ký hiệu) của loại cáp, kích cỡ cáp, tên nhà sản xuất, ngày tháng sản xuất và độ dài được in dọc theo chiều dài trên vỏ cáp với khoảng cách là 1m bằng kỹ thuật in phun để đọc và bền.

Đơn vị đo lường

Đánh dấu độ dài trên hệ đo lường mét

CÁP ĐIỆN THOẠI VỎ BỌC PVC -PVC/PVC TELEPHONE CABLE


Loại dây Type	Số sợi/ Đường kính Number/Dia.	Bề dày lớp cách điện Insu.Thick	Bề dày vỏ bọc Sheath Thick	Đường kính tổng Overall Dia.	Cân nặng tương đối Weigth Appox	Đơn giá (VNĐ/m) Unit Price
	No./mm	mm	mm	mm	Kg/km	mm
1/0.5mm x 1P	1/0.50	0.2	0.5	3.0	11	4.050
1/0.5mm x 2P	1/0.50	0.2	0.6	4.0	20	5.650
1/0.5mm x 3P	1/0.50	0.2	0.6	4.6	28	10.000
1/0.5mm x 4P	1/0.50	0.2	0.6	5.1	36	11.500
1/0.5mm x 5P	1/0.50	0.2	0.6	5.7	45	18.500
1/0.5mm x 6P	1/0.50	0.2	0.7	6.4	55	20.500
1/0.5mm x 10P	1/0.50	0.2	1.0	7.0	70	38.200
1/0.65mm x 10P	1/0.65	0.23	1.1	8.5	90	45.600
1/0.5mm x 20P	1/0.50	0.2	1.1	10.6	160	76.800
1/0.65mm x 20P	1/0.65	0.23	1.2	11.0	162	99.600
1/0.5mm x 25P	1/0.50	0.2	1.2	12.0	195	84.000
1/0.65mm x 25P	1/0.65	0.23	1.2	12.4	203	107.000
1/0.5mm x 30P	1/0.50	0.2	1.2	12.8	230	92.000
1/0.65mm x 30P	1/0.65	0.23	1.3	13.5	234	116.000
1/0.5mm x 40P	1/0.50	0.2	1.2	14.6	305	131.000
1/0.65mm x 40P	1/0.65	0.23	1.3	15.0	309	151.000
1/0.65mm x 50P	1/0.65	0.23	1.4	17.4	356	207.000
1/0.65mm x 60P	1/0.65	0.23	1.4	18.5	451	251.000
1/0.65mm x 100P	1/0.65	0.23	1.6	23.5	747	390.000

DÂY ĐIỆN THOẠI CHỐNG ẨM SINO
SINO WATERPROOF TELEPHONE CABLE

Loại dây Type	Số sợi/ Đường kính Number/Dia.	Bề dày lớp cách điện Insu.Thick	Bề dày vỏ bọc Sheath Thick	Đơn giá Unit Price (VND/m)
	No./mm	mm	mm	mm
TLD 1/0.5mm x 1P/DE	1/0.50	0.2	0.5	2.820
TLD 1/0.5mm x 2P/DE	1/0.50	0.2	0.6	3.600
TLD 1/0.5mm x 3P/DE	1/0.50	0.2	0.6	6.460
TLD 1/0.5mm x 4P/DE	1/0.50	0.2	0.6	6.780
TLD 1/0.5mm x 5P/DE	1/0.50	0.2	0.6	9.500

DÂY ĐIỆN THOẠI CHỐNG ẨM VANLOCK
VANLOCK WATERPROOF TELEPHONE CABLE

Loại dây Type	Đơn giá Unit Price (VND/m)
TLD 1 x 2P/GY	3.220
TLD 1 x 4P/GY	6.180

CÁP ĐỒNG TRỤC KÈM DÂY NGUỒN CAMERA RG59+2C CHỐNG ẨM SINO
SINO WATERPROOF COAXIAL CCTV CABLE - COMBO RG59+2C CAMERA POWER

Mã hàng Cat.No	Đơn giá (VND/m) Price
RG59/BC+2Cx0.4/TR/CA/305	8.600
RG59/BC+2Cx0.4/TR/CA/200 (*)	8.600
RG59/BC+2Cx0.4/TR/CA/100 (*)	8.600
RG59/BC+2Cx0.4/TR/CA (*)	8.600

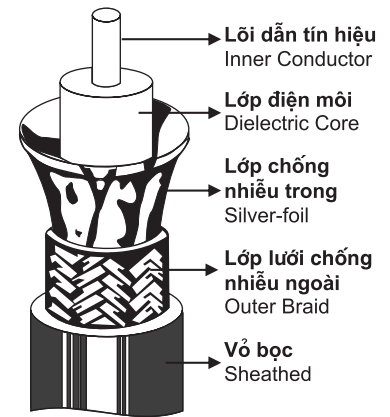
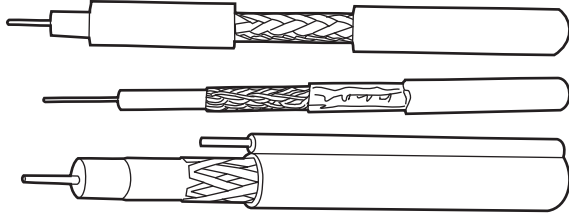
CÁP ĐỒNG TRỤC KÈM DÂY NGUỒN CAMERA RG59+2C SINO
SINO COAXIAL CCTV CABLE - COMBO RG59+2C CAMERA POWER

Mã hàng Cat.No	Đơn giá (VND/m) Price
RG59/BC+2Cx0.4/SN/TR/305	8.200
RG59/BC+2Cx0.4/SN/TR/200 (*)	8.200
RG59/BC+2Cx0.4/SN/TR/100 (*)	8.200
RG59/BC+2Cx0.4/SN/TR (*)	8.200

CÁP ĐỒNG TRỤC KÈM DÂY NGUỒN CAMERA RG59+2C SP
SP COAXIAL CCTV CABLE - COMBO RG59+2C CAMERA POWER

Mã hàng Cat.No	Đơn giá (VND/m) Price
RG59/CCS+2Cx0.4/SP/TR/305	5.800
RG59/CCS+2Cx0.4/SP/TR/200 (*)	5.800
RG59/CCS+2Cx0.4/SP/TR/100 (*)	5.800
RG59/CCS+2Cx0.4/SP/TR (*)	5.800

(*) là sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng

DÂY ĂNGTEN (CÁP ĐỒNG TRỤC) SINO
SINO COAXIAL CABLE


Tên hàng và diễn giải Description	Mã hàng Cat.No	Đóng gói (Mét/cuộn,lô) Packing	Đơn giá (VNĐ/m) Price
Cáp 4C-FB (RG59) lõi BC 80 sợi chống ẩm đen	RG59/4C-FB/BC/80/SN/CA	200	5.350
Cáp 5C-FB lõi BC 96 sợi SINO đen	5C-FB/BC/96/SN	305/200/100	6.450
Cáp 5C-FB lõi BC 96 sợi SINO chống ẩm đen	5C-FB/BC/96/SN/CA	200/100	7.020
Cáp RG-6U lõi BC 96 sợi SINO đen	RG-6U/BC/96/SN	200/100	7.020
Cáp RG11(7C-FB) lõi BC 112 sợi SINO	RG11/7C-FB/BC/112/SN	*	24.600
Cáp RG8U(3C-2V) lõi BC SINO	RG-8U/3C-2V/BC/SN	*	29.500
Cáp 10D-FB lõi Al/Cu SINO	10D-FB/AL/CU/SN	*	34.600
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ BC	6C-FB/BC		13.600
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ BC	9C-FB		39.800
Cáp đồng trục TC	7D-FB		47.500
Cáp đồng trục TC	12D-FB		103.800
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ mềm BC	RG6-4		20.500
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ BC	RG58		5.880
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ mềm BC	RC 178		10.500
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ mềm BC	2.5C-2V		8.200
Cáp đồng trục lõi mềm TC	RG58A/U		15.900
Cáp đồng trục đại nhôm	B12C-FT		58.100
Cáp đồng trục đại nhôm	C12C-FT		65.500
Cáp đồng trục đại nhôm lõi đồng đỏ BC	13C-FT		83.800
Cáp đồng trục đại nhôm lõi đồng đỏ BC	A-13C-FT		69.500
Cáp đồng trục Digital TC	15C-2Vx8		43.200
Cáp đồng trục Digital TC	PCM120ΩHMSEYVPO,4-8P		19.600
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	JB-Y(ST) 1x2x0,8		7.500
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	JB-Y(ST) Y2x2x0,6		9.100
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	JB-YY 2x0,8		8.100
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	SYV -75-2-2		10.500
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	SYV-75-2-1x8		56.800
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	SFYZ-75-2-1x8		47.500
Cáp đồng trục Digital lõi đồng đỏ BC	SYV-75-2-2x8		54.200
Cáp đồng trục lõi đồng đỏ BC	CAT-5E		20.000

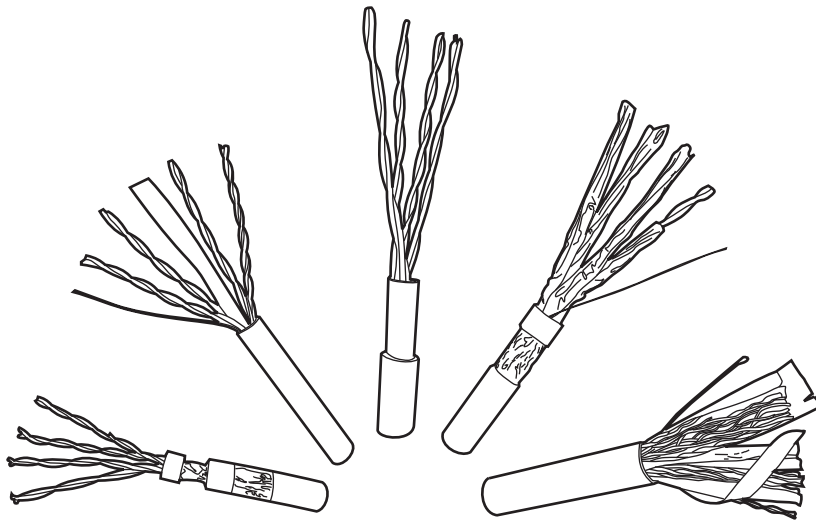
Dấu * là phải đặt hàng - (*) is option

DÂY ĂNGTEN (CÁP ĐỒNG TRỰC) SP
 SP COAXIAL CABLE

Tên hàng và diễn giải Description	Mã hàng Cat.No	Đóng gói (Mét/cuộn,lô) Packaging	Đơn giá (VNĐ/m) Unit Price
Cáp 4C-FB (RG59) lõi CCS 64 sợi SP đen	4C-FB/RG59/CCS/64/SP	200/100	3.350
Cáp RG6(5C-FB) lõi CCS 80 sợi SP đen	RG6/5C-FB/CCS/80/SP	200/100	4.320
Cáp RG6(5C-FB) lõi CCS 80 sợi SP trắng	RG6/5C-FB/CCS/80/SP/TR	305/200/100	4.320

DÂY ĂNGTEN (CÁP ĐỒNG TRỰC) VANLOCK
 VANLOCK COAXIAL CABLE

Tên hàng và diễn giải Description	Mã hàng Cat.No	Đường kính lõi đứng (Mm/sợi)	Đóng gói (Mét/cuộn,lô) Packaging	Đơn giá (VNĐ/m) Unit Price
Cáp 5C-FB lõi BC 80 sợi VANLOCK đen	5C-FB/BC/80/VL	0.94	305/200/100	5.150
Cáp 5C-FB lõi BC 80 sợi VANLOCK chống ẩm đen	5C-FB/BC/80/VL/CA	0.94	200/100	5.560

DÂY CÁP VI TÍNH - DATA CABLE


Tên hàng và diễn giải Description	Mã hàng Cat.No	Đơn giá (VNĐ/m) Unit Price
Cáp vi tính không bọc bạc	5UTP	10.200
Cáp vi tính có bọc bạc	5FTP	13.800
Cáp vi tính có trục nhựa	6UTP	15.000

LƯU Ý: Giá trên đã bao gồm thuế VAT - The price is included of VAT tax